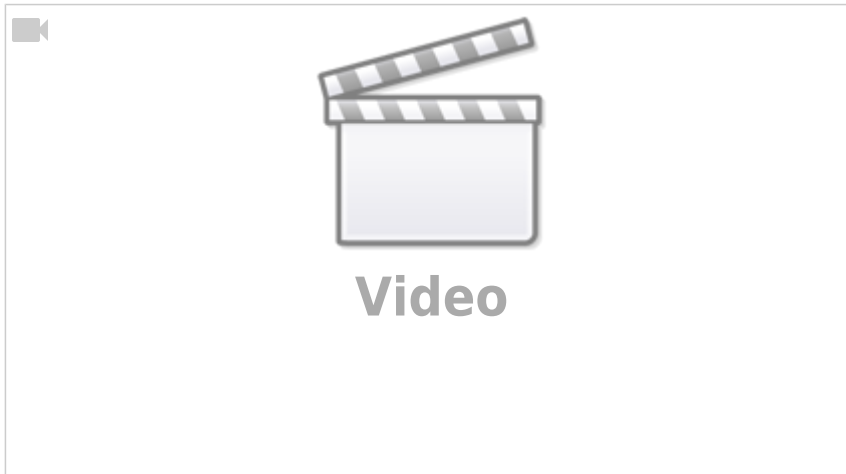


Table of Contents

Mục lục	3
Phần 1: Giới thiệu và Nền tảng Phật giáo (Part 1: Introduction and Buddhist Foundations (00:00:00 - 00:07:25)) (00:00:00 - 00:07:25)	3
00:00:00 - Trải nghiệm của Glenn với Đức Di Lạc (00:00:00 - Glenn's Experience with Maitreya)	3
00:00:22 - Lời cầu nguyện khai mạc theo Phật giáo và giới thiệu (00:00:22 - Buddhist Opening Prayers and Introduction)	3
00:01:47 - Lòng biết ơn đến Quỹ Maurya và Michael Robbins (00:01:47 - Gratitude to Maurya Foundation and Michael Robbins)	4
00:02:52 - Glenn's Mother as His First Guru and Early Spiritual Influences (00:02:52 - Glenn's Mother as His First Guru and Early Spiritual Influences)	4
00:04:00 - Meeting Dalai Lama and Training in Tibet (00:04:00 - Meeting Dalai Lama and Training in Tibet)	5
00:04:37 - Introduction to Shambhala, Maitreya and Prophecies (00:04:37 - Introduction to Shambhala, Maitreya and Prophecies)	5
Phần 2: Truyền Thống Thần Bí và Sự Hoàn Thành Lời Tiên Tri (Part 2: Mystical Traditions and Fulfillment of Prophecy (00:07:26 - 00:20:42)) (00:07:26 - 00:20:42)	6
00:07:42 - Truyền Thống Thần Bí Trong Các Nhóm Tôn Giáo (00:07:42 - Mystical Traditions Within Religious Groups)	6
00:09:57 - Lama Tsongkapa và Đền thờ Maitreya (00:09:57 - Lama Tsongkapa and the Maitreya Temple)	6
00:12:03 - Lời Tiên Tri về Thời Đại Hoàng Kim của Tình Yêu Thương (00:12:03 - The Prophecy of a Golden Age of Love)	7
00:14:47 - Tình Yêu Thương là Nguyên Nhân của Hạnh Phúc (00:14:47 - Love as the Cause of Happiness)	8
00:17:14 - Đức Di Lạc như một Biểu tượng trong Thế giới Tây Tạng (00:17:14 - Maitreya as a Symbol in Tibetan World)	9
Phần 3: Truyền Thống Minh Triết và Chuyển Hóa Cá Nhân (Part 3: Wisdom Traditions and Personal Transformation (00:20:43 - 00:34:31)) (00:20:43 - 00:34:31)	10
00:20:43 - Vai Trò của Minh Triết trong Phát Triển Tinh Thần (00:20:43 - The Role of Wisdom in Spiritual Development)	10
00:22:59 - Tâm Thức Con Người và Tính Dẻo Dại Của Nó (00:22:59 - Human Consciousness and Its Malleability)	11
00:25:00 - Câu Chuyện về George Bush Jr. và Đức Đạt Lai Lạt Ma (00:25:00 - The Story of George Bush Jr. and the Dalai Lama)	11
00:28:52 - Lời Tiên Tri Shambhala và Các Mãnh Lực của Ánh Sáng và Bóng Tối (00:28:52 - Shambhala Prophecies and Forces of Light and Darkness)	12
00:31:37 - Thực Hành Tình Yêu Thương và Lòng Từ Bi như một Phương Pháp Tu Tập Cá Nhân (00:31:37 - The Practice of Love and Compassion as Personal Training)	13
Phần 4: Những Câu Chuyện Cá Nhân về Tác Động và Đóng Góp (Part 4: Personal Stories of Impact and Contributions (00:34:32 - 00:46:06)) (00:34:32 - 00:46:06)	14
00:34:32 - Giúp Đức Đạt Lai Lạt Ma Viếng Thăm Hoa Kỳ (00:34:32 - Helping the Dalai Lama Visit America)	14
00:37:58 - Working with CIA and Secret Programs (00:37:58 - Working with CIA and Secret Programs)	16
00:40:28 - Individuals Making a Difference (00:40:28 - Individuals Making a Difference)	17
00:41:52 - Tài Trợ Cho Lễ Điểm Đạo Kalachakra (00:41:52 - Sponsoring the Kalachakra Initiation)	17
00:44:26 - Hành hương đến Nepal và Tây Tạng với Michael Robbins (00:44:26 - Pilgrimage to Nepal and Tibet with Michael Robbins)	18
Phần 5: Truyền Thống Minh Triết Quốc Tế và Kết Thúc (Part 5: International Wisdom Traditions and Closing (00:46:07 - 00:55:20)) (00:46:07 - 00:55:20)	19
00:47:30 - Madame Blavatsky và Phong Trào Giác Ngộ Quốc Tế (00:47:30 - Madame Blavatsky and the International Enlightenment Movement)	19
00:48:22 - Nicholas Roerich và Những Đóng Góp của Ông (00:48:22 - Nicholas Roerich and His	

Contributions)	19
00:51:52 - Những Lời Tiên Tri Sambhala Trong Bối Cảnh Phương Tây (00:51:52 - The Shambhala Prophecies in Western Context)	21
00:53:44 - Gratitude and Closing Remarks (00:53:44 - Gratitude and Closing Remarks)	21
00:54:42 - Lời Cống Hiến và Cầu Nguyện Cuối Cùng (00:54:42 - Final Dedication and Prayer)	21

Mục lục



Phần 1: Giới thiệu và Nền tảng Phật giáo (Part 1: Introduction and Buddhist Foundations (00:00:00 - 00:07:25)) (00:00:00 - 00:07:25)

00:00:00 - Trải nghiệm của Glenn với Đức Di Lạc (00:00:00 - Glenn's Experience with Maitreya)

...kể về Đức Di Lạc và tôi không bao giờ quên trải nghiệm đó. Và bạn đang ở đó xa Phoenix và tôi không biết, bạn đang ở Nepal, nhưng dù sao cũng ở đâu đó? Ý tôi là ở Kathmandu hoặc đâu đó ở Nepal. Và chúng tôi đang ở đây vì bạn.

...telling about Maitreya and I never forget the experience. And you are there far away from Phoenix and I don't know, are you in Nepal, but somewhere anyway? I mean in Kathmandu or somewhere in Nepal. And we are just for you.

00:00:22 - Lời cầu nguyện khai mạc theo Phật giáo và giới thiệu (00:00:22 - Buddhist Opening Prayers and Introduction)

Vâng, tôi đang ở trên núi tại Nepal trong một tu viện. Hôm nay chúng tôi đang thực hiện khóa tu 10 ngày với khoảng 40 học viên từ khắp nơi trên thế giới hoặc những người đang được đào tạo từ khắp nơi trên thế giới. Vì vậy, chúng tôi cũng là học viên của bạn ở đây, từ xa. Gửi nhiều yêu thương và chào đón nồng nhiệt, chúng tôi hoàn toàn thuộc về bạn. Cảm ơn bạn rất nhiều. Trong thế giới Phật giáo, chúng tôi luôn bắt đầu với một vài câu kệ. Tôi hướng về tâm giác ngộ để tìm cảm hứng, con đường chân lý, và các bậc hành giả vĩ đại của thế giới. Và tôi phát nguyện đạt được giác ngộ nhanh chóng, nhanh chóng để mang lại lợi ích lớn hơn cho tất cả chúng sinh. Thường thì chúng tôi thêm những lời: mong cho tất cả chúng sinh được hạnh phúc và nguyên nhân, thoát khỏi đau khổ và nguyên nhân, để tâm an trú trong niềm vui, thoát khỏi sự tan rã, và học cách giữ tâm bình đẳng đối với chúng sinh để mến và không để mến. Chúng tôi thường bắt đầu với những lời đó.

Yes, I'm up in the mountains of Nepal and in a monastery. Today we're doing a 10-day retreat with about 40

students from around the world or trainees from around the world. So we are your trainees as well here, far away. Lots of love and warmly welcome and we are all yours. Thank you so much to you. In the Buddhist world we always start with a few verses. I turn for inspiration to the enlightened mind, the path of truth, and to the great practitioners of the world. And I take a precept to achieve enlightenment quickly, quickly in order to be of greater benefit to all living beings. Often we add the words, may all beings have happiness and the cause, be free from suffering and the causes, rest the mind in joy, free from disintegration, and learn to have equanimity towards likable living beings and not so likable living beings. We often start with those words.

00:01:47 - Lòng biết ơn đến Quỹ Maurya và Michael Robbins (00:01:47 - Gratitude to Maurya Foundation and Michael Robbins)

Và đầu tiên, tôi rất muốn cảm ơn Quỹ Maurya đã mời tôi đến chia sẻ đôi lời. Tôi đã là bạn với Quỹ Maurya trong nhiều năm và tất nhiên với Michael Robbins và nhiều năm trước tôi đã gặp anh ấy và Tuya cùng những người mang ánh sáng vĩ đại khác trong thế giới này. Như tôi thường đề cập khi nói chuyện với các nhóm liên quan đến Madame Blavatsky hoặc Alice Bailey và những bậc giác ngộ sau này, rằng mẹ tôi là một quý bà London sinh năm 1915 và khi còn là thiếu niên và một phụ nữ trẻ, truyền thống Blavatsky rất mạnh ở châu Âu và là, có thể nói,

And firstly, I would very much like to thank the Maurya Foundation for inviting me to say a few words. I've been friends with the Maurya Foundation for many years and of course with Michael Robbins and many years ago I met him and Tuya and other great bearers of the light in this world. As I often mention when I speak to groups connected to Madame Blavatsky or Alice Bailey and later luminaries, that my mother was a London lady born in 1915 and as a teenager and a young woman, the Blavatsky tradition was very strong in Europe and was, you could say,

00:02:52 - Glenn's Mother as His First Guru and Early Spiritual Influences (00:02:52 - Glenn's Mother as His First Guru and Early Spiritual Influences)

nguồn hy vọng và cảm hứng lớn lao. Và vì điều đó, tôi thường xem mẹ tôi như vị huấn sư đầu tiên của mình vì mối liên hệ của bà với tâm linh quốc tế cơ bản đã tuôn chảy vào cuộc đời tôi. Cha của bà, ông nội tôi, đã từng phục vụ trong quân đội Anh ở Ấn Độ khá nhiều năm, vì vậy văn hóa Ấn Độ đã thấm thấu vào gia đình họ. Nhưng đặc biệt mẹ tôi yêu thích tất cả các tác phẩm kinh điển vĩ đại của các truyền thống thế giới, Đạo Đức Kinh từ Trung Quốc và Bhagavad Gita và Dharmapada từ Ấn Độ và phần đó của thế giới, Rubaiyat của Omar Khayyam từ thế giới Sufi và nhiều nữa. Vì vậy tôi lớn lên với nền tảng đó, có thể nói, rất lặng lẽ trong quá trình trưởng thành ở Canada, chơi khúc côn cầu, và tập quyền anh. Và đó là nguồn cảm hứng cho tôi.

a source of great hope and inspiration. And because of that, I often regard her as my first guru because her connection with international spirituality basically showered into my own life. Her dad, my granddad, had been in the army in British India for quite a few years, so Indian culture flowed into their household. But my mom in particular loved all of the great classics of the world traditions, the Tao Te Ching from China and Bhagavad Gita and Dharmapada from India and that part of the world, the Rubaiyat of Omar Khayyam from Sufi world and so on. So I grew up with that background, you could say, very quietly in my Canadian upbringing, hockey playing, boxing life. And it was an inspiration for me.

00:04:00 - Meeting Dalai Lama and Training in Tibet (00:04:00 - Meeting Dalai Lama and Training in Tibet)

Nhiều năm sau đó, sau khi tôi qua tuổi thanh niên và thời gian ở đại học, tôi nghe nói rằng Đức Đạt Lai Lạt Ma đang mở một trường cho người phương Tây. Vì vậy tôi đã đến Ấn Độ, gặp Gyalwar Rinpoche và tu học ở đó trong 12 năm. Bây giờ, Đức Đạt Lai Lạt Ma và Trường Đạt Lai Lạt Ma, cái gọi là Trường Mũ Vàng của Tây Tạng, họ đặc biệt cống hiến cho Đức Di Lạc và sự hoàn thành lời tiên tri.

Many years later, after I passed my teens and my time in college, I heard that Dalai Lama was opening a school for Western people. So I traveled to India, met with Gyalwar Rinpoche and trained there for 12 years. Now, Dalai Lama and the Dalai Lama School, the so-called Golden Hat School of Tibet, they're especially dedicated to Maitreya and the fulfillment of prophecy.

00:04:37 - Introduction to Shambhala, Maitreya and Prophecies (00:04:37 - Introduction to Shambhala, Maitreya and Prophecies)

Vì vậy, tôi đặt tên cho bài thuyết trình hôm nay là Shambhala Maitreya và di sản của các lời tiên tri hoặc sự ứng nghiệm của các lời tiên tri. Và tôi nghĩ rằng trên khắp thế giới, các truyền thống thần bí trong các nhóm tôn giáo khác nhau đều có nhiều cấp độ tiên tri. Và tôi nói các truyền thống thần bí trong các nhóm tinh thần hoặc tôn giáo bởi vì thường thì vòng ngoài của tôn giáo gắn liền nhiều hơn với đạo đức sống hàng ngày, sự tích hợp và hài hòa xã hội. Và những điều này quan trọng trong cuộc sống, phải không? Ý tôi là, nếu không có đạo đức, con người sẽ hành xử hơi dã man, giết chóc, cướp bóc và những thứ tương tự trở thành lối sống. Vì vậy, khía cạnh đạo đức của các cấp độ bên ngoài của dharma hay tinh thần là quan trọng cũng như sự hài hòa xã hội và sống một cuộc đời có ý nghĩa, như Đức Đạt Lai Lạt Ma thường nói, trở thành một con người tốt đẹp hơn là điều quan trọng. Nhưng tất nhiên trong mỗi truyền thống, cũng có những truyền thừa thần bí. Ví dụ, trong nhóm Tham Thiên với Tóc của chúng ta, chúng ta có một trong những nhà thần bí vĩ đại phương Tây cùng tham dự, một trong những cựu lãnh đạo của phong trào Freemasonry, vốn là một trong những truyền thống thần bí còn sống ở phương Tây. Và tất nhiên, những truyền thống được truyền xuống qua Madame Blavatsky, Alice Bailey, và những người khác, tương tự, họ tôn trọng khía cạnh bên ngoài của các truyền thống tinh thần, nhưng cố gắng đào sâu hơn hoặc trau dồi sâu sắc hơn vào các truyền thống thần bí.

Therefore, I termed my presentation today Shambhala Maitreya and the legacy of prophecies or fulfillment of prophecies. And I think all over the world, mystical traditions within the various religious groups have many levels of prophecy. And I say mystical traditions within spiritual or religious groups because often the outer side of religion is more connected to day-to-day living morality and integration and social harmony. And these are important in life, aren't they? I mean, without some morality, people behave a little bit wild, killing robbery and the so forth become lifestyles. So the morality side of the outer levels of dharma or spirituality are important and social harmony and living a meaningful life, as Dalai Lama likes to put it, becoming a better human being is important. But of course within every tradition, there's also the mystical transmissions. For instance, in our group Meditating Hair, we have one of the great Western mystics with us, one of the former heads of the Freemasonry movement, which in the West is one of our living mystical traditions. And of course, those traditions coming down through Madame Blavatsky, Alice Bailey, and others, similarly, they honor the outer side of spiritual traditions, but try to dig deeper or cultivate more deeply into the mystical traditions.

Vì vậy tôi đã đề cập đến Shambhala và Maitreya bởi vì trong trường phái của Đức Đạt Lai Lạt Ma, người ta nói rằng một trong những công đức vĩ đại của Lạt Ma Sankapa là sau khi nhập thất năm năm ở Oka Chulung, ngài và nhóm tám người cùng tham gia khóa tham thiền nhập thất năm năm đó đã tìm thấy một ngôi đền Maitreya bị bỏ hoang và đã xuống cấp trầm trọng. Và đó là một trong những ngôi đền Maitreya đầu tiên được xây dựng ở Tây Tạng. Maitreya ở đây có nghĩa là tình yêu thương, và bạn có thể nói đó là sự hoàn thành lời tiên tri của truyền thống giác ngộ và sự tiếp nối của nó đến tận tương lai xa.

So I mentioned Shambhala and Maitreya because in the Dalai Lama school, it said one of the great deeds of Lama Sankapa was that after his five-year retreat in Oka Chulung, he and the group of eight with whom he had done that five-year meditation retreat came upon an abandoned Maitreya temple that had fallen into great disrepair. And it was one of the first Maitreya temples to be built in Tibet. Maitreya there meaning love, and you could say the fulfillment of the prophecy of the enlightenment tradition and its continuance far into the future.

Phần 2: Truyền Thống Thần Bí và Sự Hoàn Thành Lời Tiên Tri (Part 2: Mystical Traditions and Fulfillment of Prophecy (00:07:26 - 00:20:42)) (00:07:26 - 00:20:42)

00:07:42 - Truyền Thống Thần Bí Trong Các Nhóm Tôn Giáo (00:07:42 - Mystical Traditions Within Religious Groups)

Vì vậy chúng ta có thể nói Maitreya trong Phật giáo vốn đã là một thực thể giác ngộ, có thể nói, một linh hồn giác ngộ. Nhưng sự biểu lộ của ngài trong tương lai, rất giống với sự đến của Đức Christ, là sự hoàn thành của lời tiên tri. Và lời tiên tri trong Kalpa Bhadra, kiếp Hiền của chúng ta, chúng ta sẽ có một nghìn, một số kinh điển nói một nghìn lẻ hai vị thầy giác ngộ vĩ đại tạo ra các truyền thống thế giới. Tất nhiên, trong nhiệm kỳ của họ, có thể nói, trong khoảng 5.000 năm đó, nhiều chúng sinh sẽ đạt được giác ngộ, nhưng họ sẽ không có nghiệp, có thể nói, vận mệnh để phụng sự như một Chân sư phổ quát. Họ sẽ, tất cả đều bình đẳng trong sự chứng ngộ, chỉ hơi khác biệt về vận mệnh. Nói cách khác, tác động đến thế giới và sự tiếp nối di sản. Vì vậy, Sankapa, sau khi nhập thất năm năm với tám đệ tử vĩ đại của mình, và họ đã dựng trại bên cạnh ngôi đền đó. Và nó nằm trên tuyến đường, tuyến thương mại, đi từ Tây Tạng trung tâm đến Nepal và Ấn Độ. Và vì vậy các đoàn lữ hành đi qua và về cơ bản, từ các đoàn lữ hành, họ đã thu thập sự bảo trợ để xây dựng lại đền Maitreya đó. đền thờ. Và điều đó thường được coi là dấu mốc giữa sự kết thúc của các truyền thống cổ xưa của Tây Tạng, các truyền thống giác ngộ cổ xưa, có thể nói, đã bị phá hủy phần lớn bởi nội chiến và các thảm họa khác trên khắp Trung Á.

So we could say Maitreya in Buddhism is already an enlightened being, you could say, an enlightened soul. But his manifestation in the future, much like the coming of Christ, is a fulfillment of prophecy. And the prophecy being in our Kalpa Bhadra, our auspicious eon, we will have a thousand, some texts say a thousand and two enlightened mass enlightenment teachers who create world traditions. Of course, during their tenure, you could say, their 5,000 or so year period, many beings will achieve enlightenment, but they won't have the karma, you could say, the destiny to serve as a universal master. They will, they're all equal in realization, just a little unique in destiny. In other words, impact upon the world and the continuance of legacy. So Sankapa, after his five-year retreat with his eight great disciples, and they set up camp beside that temple. And it was on the route, trade route, going from central Tibet to Nepal and India. And so caravans went through and they basically, from the caravans, collected patronage to rebuild that Maitreya. temple. And that's often said to be the marking point between the end of the old traditions of Tibet, the old enlightenment traditions, you could say, which had been largely destroyed by civil wars and other catastrophes across central Asia.

00:09:57 - Lama Tsongkapa và Đền Thờ Maitreya (00:09:57 - Lama Tsongkapa and the Maitreya Temple)

Và thời kỳ Phục hưng trở nên rất, rất mạnh mẽ cho đến khi ánh sáng vàng của di sản Maitreya lan tỏa từ ngôi đền nhỏ đó khắp Lhasa và qua tất cả vùng Tây Tạng, xuống Nepal và Bhutan, sang các vùng Himalaya phía tây, như Ladakh và Lahool Spiti Kannur, lan rộng về phía bắc qua các nước cộng hòa Mông Cổ, qua miền đông nước

Nga, qua miền tây Trung Quốc. Và như vậy việc hoàn thành lời tiên tri theo cách này thường không chỉ là một hành động đơn giản của một vị vua hay một hoàng đế, mà trong trường hợp này, tám con người bình thường đã nỗ lực cùng nhau tạo nên, có thể nói, một dấu hiệu hay một điềm báo. Vì vậy khi điềm báo được tạo ra, việc hoàn thành lời tiên tri trở nên dễ dàng. Tôi nghĩ đó là một ý nghĩa ở đây. Vậy nên một trong những sự hoàn thành lời tiên tri từ Đức Maitreya là nếu tất cả chúng sinh có tâm thiện trên hành tinh này dành nhiều năng lượng hơn cho tình yêu thương, lòng từ bi, sự thấu hiểu, thì thời đại hoàng kim được đặc trưng bởi những phẩm tính đó sẽ thay thế, sẽ được mở ra, có thể nói vậy, và sẽ thay thế bầu không khí hiện tại của sự giận dữ, hận thù, tham lam, xung đột, và chiến tranh. Và người ta có thể nghĩ rằng điều này khá khó để thực hiện, chỉ là một giấc mơ nhỏ dựa trên sự tưởng tượng hơn là thực tế.

And the Renaissance became very, very strong until the golden light of the Maitreya legacy spread from that little temple throughout Lhasa and through it all of Tibet, down into Nepal and Bhutan, over to the western Himalayas, like Ladakh and Lahool Spiti Kannur, spreading north through the Mongol republics, through eastern Russia, through western China. And so the fulfillment of prophecy in this way is often not just a simple deed of a king or an emperor, but in this case, eight simple people making an effort that brought together, you could say, a sign or an omen. So when the omen is generated, the fulfillment of prophecy becomes easy. I think that's kind of a meaning there. So one of the fulfillment of prophecy from Maitreya is that if all of all beings of good heart on planet earth dedicate more energy to love, compassion, understanding, then this golden age characterized by those qualities will replace, will be ushered in, you could say, and will replace the present atmosphere of anger, hatred, greed, conflict, and war. And one might think that this is quite difficult to accomplish, just a little bit of a dream based on fantasy rather than on reality.

00:12:03 - Lời Tiên Tri về Thời Đại Hoàng Kim của Tình Yêu Thương (00:12:03 - The Prophecy of a Golden Age of Love)

Nhưng trên thực tế, con người thường có xu hướng thích hòa bình. Mỗi gia đình đều muốn có một cuộc sống yên bình. Mỗi gia đình đều muốn biết rằng nếu họ là nông dân và họ trồng cây, kẻ cướp sẽ không đến và lấy đi thành quả đó. Chính phủ sẽ không tịch thu nó cho nhà vua hay tổng thống hoặc bất cứ ai khác. Họ muốn công lý, công bằng, hòa bình. Họ muốn con cái mình ngủ an toàn và gia đình họ được an toàn và vãn vãn. Vì vậy, ý niệm về tình yêu thương này rất sâu sắc trong tất cả mọi người. Thực tế, trong Vi Diệu Pháp (Abhidharma) của Phật giáo, và khi chúng ta xem xét tâm lý học Phật giáo như được đặt trong Vi Diệu Pháp Phật giáo, mỗi con người sinh ra đều có 11 loại khả năng tinh thần tích cực, 26 tiêu cực, điều này làm lu mờ một chút. Nhưng trong hai điều rất đáng quan tâm ở đây, một là Champa, Maitri, và từ đó Maitri có được tên của mình. Và cái kia là Nyingje, hay karuna trong tiếng Phạn, từ đó Ma karuna của Bồ tát Quán Thế Âm có được tên của mình. Và còn có Sherab hay Pragnya, minh triết. Vì vậy ba phẩm tính này trong số 11 phẩm tính trong cái được gọi là nguyên mẫu tinh thần tích cực hay khả năng tinh thần của chúng ta rất quan trọng trong tất cả mọi người. Vấn đề với tình yêu thương là nó có thể dễ dàng trở thành tham lam. Chúng ta yêu thương con cái và gia đình mình. Nên chúng ta sẽ chỉ có tình yêu thương và lòng từ bi dành cho họ và sẽ coi mối quan hệ của chúng ta với người khác là cạnh tranh.

But in fact, humans generally tend to like peace. Every family wants a peaceful life. Every family wants to know that if they're farmers and they plant crops, robbers aren't going to come and take it. The government's not going to seize it for the king or the president or whatever. They want justice, fairness, peace. They want their kids to sleep safely and their family to be safe and so on. So this idea of love is very deep in all human beings. In fact, in Buddhist Abhidharma, and we look at Buddhist psychology as put within Buddhist Abhidharma, every human being is born with 11 sort of positive mental faculties, 26 negative ones, which does obscure a little bit. But of the two that are very of interest to here, one is Champa, Maitri, and from which Maitri gets his name. And the other is Nyingje, or karuna in Sanskrit, from which Ma karuna of the Bodhisattva Avalokitesvara gets his name. And now there is Sherab or Pragnya, wisdom. So these three qualities of the 11 within our, you could say, positive mental archetypes or faculties are very important in all human beings. Now the problem is with love is it can become, easily become greed. We love our children and our family. So then we will only have love and compassion for them and will regard our relationship with others as competitive.

Và tất nhiên, tính cạnh tranh khi chuyển sang tiêu cực sẽ trở thành xung đột và xung đột khi trở nên mạnh mẽ, sẽ biến thành chiến tranh, giết chóc, gây hại, và nhiều hệ quả khác. Và chúng ta thấy điều này mọi lúc. Ý tôi là, theo nhiều cách, tôi nghĩ xung đột hiện tại ở Ukraine, chẳng hạn, thực sự là vì châu Á muốn các khoáng chất quý hiếm ở Ukraine và Đức cùng Mỹ cũng muốn những khoáng chất quý hiếm đó. Và chủ yếu là vì những tài nguyên đó, chủ yếu là vì lòng tham. Và tất nhiên, bất kỳ cuộc chiến nào cũng có nhiều,

And of course, competitive when it turns negative becomes conflict and conflict when it becomes strong, becomes war, killing, harming, and so forth. And we see this all the time. I mean, in many ways, I think the present conflict in Ukraine, for example, is really that Asia wants the rare minerals in Ukraine and Germany and America want the rare minerals. And it's mainly over those resources, it's mainly over greed. And of course, any war has many,

00:14:47 - Tình Yêu Thương là Nguyên Nhân của Hạnh Phúc (00:14:47 - Love as the Cause of Happiness)

nhiều tầng nguyên nhân khác. Như trong Kinh đã nói, ai đã vẽ màu sắc của con công đẹp hơn? Không một chúng sinh nào đến từ hàng ngàn nhân quả nghiệp lực hay các nhân duyên liên kết, nhưng tình yêu thương dễ dàng biến thành tham lam. Và chúng ta thấy điều đó trong lịch sử thế giới. Nước Anh muốn nhiều đường hơn, nên họ đi ra ngoài và chinh phục một số quốc gia và cố gắng xâm chiếm để lấy đường. Đó là tình yêu thương dành cho người dân của họ, nhưng tình yêu thương dễ dàng trở thành định kiến như vậy. Vì vậy, khi chúng ta ở phần đầu của hầu hết các buổi tham thiền và cầu nguyện, nếu có thể, ở Châu Á, họ khiến tất cả chúng sinh đều có tình yêu thương và các nguyên nhân có hạnh phúc và các nguyên nhân của hạnh phúc. Tình yêu thương là nguyên nhân của hạnh phúc. Khi chúng ta yêu thương ai đó, chúng ta cảm thấy hạnh phúc. Chúng ta ngồi với một đứa trẻ, ngồi với người mẹ yêu thương nó và đứa trẻ yêu thương mẹ. Cả hai đều hạnh phúc. Họ có thể, họ có thể nghèo, có thể có một số bệnh tật trong nhà, có thể có một số xung đột trong khu vực, nhưng trong khoảnh khắc đó, ánh mắt họ chạm nhau với tình yêu thương. Cả hai đều hạnh phúc. Vấn đề xảy ra khi tình yêu thương đó, nguyên nhân của hạnh phúc, trở thành định kiến gây thù hận cho người khác. Do đó, họ thêm vào có hạnh phúc và các nguyên nhân của hạnh phúc, nghĩa là tình yêu thương bình đẳng cho bản thân và tất cả những người khác.

many other levels of causes. As it said in the Sutra, who painted the colors of a peacock better? No one being comes from thousands of karmic causes or interconnected causes and conditions, but love easily turns to greed. And we see that in the history of the world. England wants more sugar, so they go out and conquer some country and try to take it over to get their sugar. It's love for their own people, but love can easily like that become prejudice. So when we're at the beginning of most meditation sessions and prayer sessions, if you will, in Asia, they make that they all beings have love and the causes have happiness and the causes of happiness. Love is the cause of happiness. When we love someone, we feel happy. We sit with a little kid, sits with the mom who loves him and the little kid loves the mom. They're both happy. They may have, they may be poor, there may be some diseases in the house, there may be some conflict in the area, but for the moment, their eyes touch with love. They're both happy. The problem becomes when that love, the cause of happiness, becomes prejudice to the detriment of others. Therefore, they add have happiness and the causes of happiness, which means equal love for self and all others.

Trong thế giới Phật giáo, họ gọi đó là bồ đề tâm, tâm thức giác ngộ, không phải vì nó đặc biệt giác ngộ, mà bởi vì nó giống như cây cung với mũi tên nhắm vào mục tiêu. Nói cách khác, từ tình yêu thương và lòng từ bi đối với tất cả chúng sinh, nhận ra rằng chỉ khi một người được giác ngộ hơn thì người đó mới có ích lợi hơn cho người khác. Và vì vậy ý nghĩa của hạnh phúc và nguyên nhân của hạnh phúc là như thế. Bây giờ, Đức Di Lặc là biểu tượng của điều này trong thế giới Tây Tạng và do đó thường được thể hiện trong thời hiện đại, thời hiện đại, trong một nghìn năm qua. Ngài thường được thể hiện ngồi trên gai giảng dạy với bàn tay trong tư thế chuyển pháp luân giảng dạy như thế.

In the Buddhist world, they call that bodhicitta, the enlightenment mind, not because it is especially enlightened, but because it's like a bow and arrow with the arrow aimed at the target. In other words, out of love and compassion for all living beings, realizing that only if one is more enlightened will one become more beneficial to others. And so the meaning of happiness and the cause of happiness is like that. Now, Maitreya is the symbol of this in the Tibetan world and therefore is often shown in modern times, modern times, in the last thousand years. He's often shown sitting on a teaching throne with hands in the teaching dharmas turning posture like that.

00:17:14 - Đức Di Lạc như một Biểu tượng trong Thế giới Tây Tạng (00:17:14 - Maitreya as a Symbol in Tibetan World)

Chúng được gọi là dharma chakra trong tiếng Phạn. Và ý nghĩa là bốn phận, rằng dharma giống như một bánh xe. Và vì thế dharma chakra được thể hiện như một bánh xe. Chúng ta nói chuyển bánh xe dharma. Điều đó có nghĩa là gì? Nếu tôi có tình yêu thương và đối xử với người khác bằng tình yêu thương, người đó cảm nhận được tình yêu thương đó và tự nhiên họ sẽ trân trọng tình yêu thương đó và nghĩ rằng, có lẽ tôi nên yêu thương vợ mình, con cái mình, hàng xóm của mình nhiều hơn một chút, và vân vân. Vì vậy, chuyển bánh xe dharma có nghĩa là những phẩm tính giác ngộ và tích cực hoặc phẩm tính giác ngộ được truyền từ người này sang người khác theo cách đó. Dĩ nhiên, càng có nhiều minh triết, càng đạt giác ngộ sâu sắc hơn, thì càng hiệu quả hơn trong việc truyền cảm hứng cho người khác về con đường của tình yêu thương, lòng từ bi, và minh triết. Ví dụ, một người bình thường thực hành tình yêu thương và lòng từ bi sẽ không truyền cảm hứng tốt như, chẳng hạn, Đức Đạt Lai Lạt Ma và Đức Đạt Lai Lạt Ma luôn nói để mang lại thời đại hoàng kim được tiên tri trong Mật điển Kalachakra và các lời tiên tri về Shambhala và cũng như trong các lời tiên tri về Đức Di Lạc. Mỗi chúng ta phải làm hết sức mình và từ bỏ những điều tệ nhất của mình. Và vì vậy, tôi nghĩ rằng thật dễ dàng để nghĩ rằng chúng ta đang làm hết sức mình, nhưng việc từ bỏ những điều tệ nhất lại là một thách thức lớn hơn một chút. Và tôi nghĩ các Lạt ma Kadampa từ Tây Tạng thế kỷ 11 có những câu nói tuyệt vời. Đó là những điều như, nếu bạn muốn nói điều gì đó tốt đẹp, hãy nói về người khác.

They're called the dharma chakra in Sanskrit. And the meaning that love, that dharma is like a wheel. And so the dharma chakra is shown like a wheel. We say turning the wheel of dharma. What does that mean? If I have love and I treat someone else with love, that person feels that love and naturally they then appreciate that love and they think, maybe I should be a little bit more loving with my wife, with my kids, with my neighbors, and so on. So turning the wheel of dharma means enlightened and positive qualities or enlightenment qualities pass from one person to another in that way. Of course, the more wisdom we have, the deeper our enlightenment, the more effective can be our inspiration of others in the ways of love, compassion, and wisdom. So for instance, your ordinary person practicing love and compassion won't be quite as inspiring perhaps as say the Dalai Lama and his Dalai Lama always says to bring in the golden age prophesied in the Kalachakra Tantra and the Shambhala prophecies and also in the Maitreya prophecies. Each of us has to do our best and drop our worst. And so it's easy, I think, to think that we're doing our best, dropping our worst is a little bit more of a challenge. And I think the Kadampa Lamas from the 11th century Tibet had wonderful sayings. They're things like, if you want to say something good, say it about someone else.

Nếu bạn muốn nói điều gì quan trọng, hãy tự phê bình chính mình. Và nếu bạn muốn thấy lỗi lầm ở bất kỳ ai, hãy cố gắng tìm lỗi lầm trong chính mình. Và nếu người khác dường như có lỗi lầm, hãy cố gắng bỏ qua chúng và nhìn xuyên qua những lỗi lầm đó để thấy bản chất thuần khiết hơn của họ. Tôi nghĩ những hướng dẫn như vậy thực sự giúp mọi người trở nên yêu thương hơn theo một cách sâu sắc, rộng lớn hơn và từ bi hơn theo cách sâu sắc, bao la. Bây giờ minh triết ở đây, được đại diện bởi Bồ tát Văn Thù Sư Lợi, thường được miêu tả cầm kiếm và một quyển sách, một quyển sách về minh triết. Điều này thực sự có hai ý nghĩa, tu tập trong truyền thống minh triết và do đó tôi rất đánh giá cao và tôn trọng công việc mà người bạn thân của tôi Michael Robbins đã làm trong việc quảng bá minh triết trên thế giới. Và tất nhiên Tuya và nhiều người khác ngày nay và

If you want to say something critical, criticize yourself. And if you want to see faults in anyone, try to look for a fault in yourself. And if others seem to have faults, try to overlook them and to see behind those faults to their more pure nature. I think those kind of guidelines really help people become more loving in a more profound, vast way and more compassionate in a profound, vast way. Now wisdom here, represented by the Bodhisattva Manjushri, who often depicted holding a sword and a book, a book on wisdom. It really means two things, training in the wisdom tradition and therefore I very much appreciate and respect the work that my dear friend Michael Robbins did in promoting wisdom in the world. And of course Tuya and many others today and

Phần 3: Truyền Thống Minh Triết và Chuyển Hóa Cá Nhân (Part 3: Wisdom Traditions and Personal Transformation (00:20:43 - 00:34:31)) (00:20:43 - 00:34:31)

00:20:43 - Vai Trò của Minh Triết trong Phát Triển Tinh Thần (00:20:43 - The Role of Wisdom in Spiritual Development)

dĩ nhiên là Quỹ Maurya nói chung đã làm. Tôi rất trân trọng những nỗ lực họ thực hiện hàng trăm lần mỗi ngày để cố gắng nâng cao minh triết của nhân loại đang sống trên hành tinh này. Chúng ta nói nhân loại, tôi cũng nghĩ rằng điều đó ảnh hưởng đến các hữu tình khác. Nếu chúng ta đối xử với thú cưng bằng tình yêu thương, lòng từ bi và minh triết, chúng trở nên hiền lành hơn. Ngay cả mèo, vốn là những kẻ săn mồi và sát thủ tự nhiên, cũng trở nên rất không mang tính săn mồi với những chú chó cưng trong nhà. Nhưng con người, chúng ta có tâm thức đặc biệt dễ uốn nắn. Trong kinh điển, Ngài Long Thọ nói chúng ta nên thức dậy vào buổi sáng, chúng ta nên vui mừng và nhảy múa với niềm hân hoan. Rằng là con người, chúng ta có tâm thức đủ dẻo dai để chuyển từ một kẻ sát nhân, cướp bóc, côn đồ, trộm cắp, hiếp dâm, chuyển từ kiểu lối sống tiêu cực đó sang việc đột nhiên nhận ra rằng đó không phải là cách tốt để sinh sống. Và chúng ta có thể cố gắng hiến thân cho truyền thống minh triết. Và chúng ta có nhiều ví dụ trong cuộc đời của Đức Phật chẳng hạn và trong lịch sử Phật giáo về những người như vậy. Trong thời Đức Phật còn tại thế, một trong những trường hợp rất nổi tiếng là Angilimala đã giết gần một nghìn người. Và sau đó Đức Phật đã đến gặp y và đối mặt với y, và y đã trở thành một người tham thiền. Y từ bỏ lối sống đó, thay vì cướp bóc và giết người, trở thành một người tham thiền và một người tinh thần và đạt được quả vị A-la-hán, nói cách khác, đạt được giác ngộ.

of course the Maurya Foundation in general do. I very much appreciate the effort they do on a hundred times a day to try to increase the wisdom of peoples living on this planet. We say peoples, I mean also I think it does affect other living beings. If we treat our pets with love, compassion and wisdom, they become more gentle. Even cats, which are natural predators and killers, become very non-predatorial with the pet dogs in the house. But humans, we have an especially malleable consciousness. In Nagarjuna said we should wake up in the morning we should rejoice and dance with joy. That as human we have a mind that is sufficiently malleable that we can go from someone who is a murderer, a robber, a bandit, a thief, a rapist, go from that kind of negative lifestyle to suddenly realizing that's not a good way to make a living. And we can dedicate ourselves to the wisdom tradition. And we have many examples in Buddha's life for instance and in Buddhist history of people like that. During the lifetime of Buddha, one of the very famous case of Angilimala killed almost a thousand people. And then Buddha went to meet him and confronted him and he became a meditator. He gave up that lifestyle instead of robbing and murdering and became a meditator and a spiritual person and achieved arhantship, in other words, achieved enlightenment.

Và cũng có nhiều trường hợp như vậy, tương tự ở Tây Tạng, Milarepa đã giết hơn 30 người, sau đó hối hận và bắt đầu thực hành tham thiền và tu tập rồi đạt được giác ngộ.

And so in many cases like that, similarly in Tibet, Milarepa killed 30 some people, then later regretted it and took up meditation practice and training and achieved enlightenment.

00:22:59 - Tâm Thức Con Người và Tính Dẻo Dại Của Nó (00:22:59 - Human Consciousness and Its Malleability)

Vì vậy, tôi nghĩ chúng ta không cần quá lo lắng về việc có nhiều sự giận dữ và thù hận trên thế giới vào lúc này, bởi vì rất dễ dàng thông qua một ngọn nến đơn lẻ, ngọn lửa của cây nến hoặc ánh sáng của một hữu tình có thể lan truyền sang người khác. Một ví dụ đẹp là George Bush Jr. Và tôi muốn kể câu chuyện này. Vào những năm 80, tôi đã tham gia vào việc thực hiện một bộ phim tài liệu về Đức Đạt Lai Lạt Ma. Cái gì đó, không nhớ chính xác tựa đề, một cái gì đó được thực hiện bởi Michael Lemley ở New York, đại loại như Lòng Từ Bi, Sức Mạnh của Lòng Từ Bi hoặc Nghệ Thuật Từ Bi, đại khái như vậy về Đức Đạt Lai Lạt Ma. Và khi tôi ở New York, có lẽ 20 năm sau đó, ông ấy đã mời tôi ăn trưa và nói rằng ông ấy đang làm một bộ phim khác, một bộ phim khác với Đức Đạt Lai Lạt Ma. Và ông ấy sẽ đến thăm George Bush và George, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã từng tuyên bố trong một cuộc phỏng vấn với BBC rằng trong tất cả các tổng thống và các vị vua và những người đoạt giải Nobel Hòa bình, ai là người ông yêu thích nhất? Và ông ấy đã nói, George Bush Jr. Và điều này đã gây sốc cho những người Phật tử Mỹ, hầu hết trong số họ có xu hướng là đảng viên Dân chủ, và tất cả đều coi George Bush như một kẻ hơi ngớ ngẩn. Và vì vậy ông ấy nói, ông ấy đã hỏi tôi về, bạn biết đấy, một số ý tưởng cho bộ phim này, bộ phim sau 25 năm mà ông ấy đang thực hiện. Và sau đó, khi ông ấy xuống Texas, và tôi đang trong chuyến đi giảng dạy, nên tôi không thể tham gia cùng ông ấy. Nhưng khi tôi gặp ông ấy lần tiếp theo, ngay sau cuộc gặp với George Bush,

So we don't have to, I think, be overly concerned that there's a lot of anger and hatred in the world at the moment, because very easily through one candle flame, the candle flame or the light of one living being can spread to another. One nice example is George Bush Jr. And I like to tell the story. In the 80s, I was involved in the making of a movie, documentary movie on the Dalai Lama. Something, can't remember the title, something made by Michael Lemley in New York, something like Compassion, The Force of Compassion or The Art of Compassion, something like that on the Dalai Lama. And when I was in New York, maybe 20 years later, he invited me for lunch and said that he was making another one, another movie with the Dalai Lama. And he was going to visit George Bush and George the Dalai Lama once had just announced on a BBC interview that of all the presidents and kings and Nobel Peace Prize winners, who was his favorite? And he said, George Bush Jr. And this shocked us bazoos out of American Buddhists, all of whom tend to be Democrats, and all that looked at George Bush as a bit of a dummy. And so he said, he asked me for, you know, some ideas for this re-mit, the 25 years after film he was making. And so then, when he went down to Texas, and I was on a teaching tour, so I couldn't join him. But when I met him next time, just after the meeting with George Bush,

00:25:00 - Câu Chuyện về George Bush Jr. và Đức Đạt Lai Lạt Ma (00:25:00 - The Story of George Bush Jr. and the Dalai Lama)

họ hỏi, anh ta nói, mọi việc diễn ra thế nào? Và anh ta nói, à, George Bush, chúng tôi có đoạn phim tuyệt vời. Chúng tôi hỏi ông ấy, tại sao có mối quan hệ đặc biệt giữa ông và Đức Đạt Lai Lạt Ma? Và bố tôi là phó tổng thống, Đức Đạt Lai Lạt Ma đến Texas. Bố tôi đến và nói với tôi, này, George, bố đang tổ chức bữa tối cho Đức Đạt Lai Lạt Ma ở đây. Và nếu con muốn, con có thể tham gia cùng chúng tôi. Ông ấy có lẽ còn thêm một điều gì đó như, làm ơn, đừng say rượu hoặc dùng ma túy vào lúc đó. Điều mà George trẻ khá nổi tiếng về. Và vì thế, khi họ hỏi George một câu hỏi, anh ta nói, à, bố tôi đã mời tôi đến bữa tối này. Và trước bữa tối, tôi đã gặp bố tôi và gặp Đức Đạt Lai Lạt Ma trong phòng tiếp tân và chào ngài. Và tôi nhìn Đức Đạt Lai Lạt Ma và nghĩ, trời ơi, thật là một khuôn mặt từ bi. Tôi cũng có thể có lòng từ bi như thế. Và anh ta nói, tôi không trích dẫn chính xác những từ ngữ ở đó, chỉ nhớ, tôi chỉ đang nhớ lại cách mà Michael Lemley nói với tôi. Tôi có thể có lòng từ bi như thế. Và anh ta nói, vào lúc đó, tôi đã sáng tạo ra thuật ngữ chủ nghĩa bảo thủ từ bi. Và tôi nói với bố tôi, tôi nói với bố,

bố phải bắt đầu sử dụng cụm từ đó, chủ nghĩa bảo thủ từ bi. Vì một số người, vì một lý do nào đó, người ta nghĩ rằng những người Cộng hòa chúng ta không có lòng từ bi, và rằng những người Dân chủ mới có lòng từ bi.

they asked, he said, how did it go? And he said, well, George Bush, we have wonderful footage. We asked him, why is this special relationship with you and the Dalai Lama? And my daddy was vice president, the Dalai Lama came to Texas. My daddy came down and said to me, now, George, I'm hosting a dinner for the Dalai Lama down here. And if you like, you can join us. He probably added something like, please, don't be drunk or on drugs at the time. For which young George was quite famous. And so, when they asked George a question, he said, well, my daddy invited me to this dinner. And before the dinner, I met with my daddy and I met with the Dalai Lama in the reception room and greeted him. And I looked at the Dalai Lama and I thought, my goodness gracious, what a compassionate face. I could have compassion like that. And he said, I'm not quoting exactly the words there, just to remember the, I'm just remembering the way Michael Lemley said them to me. I could have compassion like that. And he said, at that time, I invented the term compassionate conservatism. And I said to my dad, I said to daddy, you have to start using that expression, compassionate conservatism. For some people, for some reason, people think we Republicans are not compassionate, and that Democrats are compassionate.

Chúng ta có lòng từ bi bảo thủ. Ngài không nói thêm, có một Lạt ma Tây Tạng, Trungpa ở Mỹ. Ngài bổ sung, ông ấy đã tạo ra một thành ngữ mới ở phương Tây gọi là lòng từ bi ngu ngốc. Giống như việc bạn cho gấu ăn, trông có vẻ từ bi, nhưng đến mùa săn bắn, con gấu đi đến một thợ săn vì nghĩ rằng nó sẽ nhận được khúc xương bít tết đã dùng hay đại loại thế, và người thợ săn rút súng ra và bắn vào đầu đó. Bạn cho mèo ăn ở sân sau, và dĩ nhiên, chúng bắt đầu sống trong sân sau của bạn và giết hết chim chóc của bạn. Vì vậy, lòng từ bi can thiệp, phải có lòng từ bi khôn ngoan. Nhưng dù sao, theo cách đó, Đức Đạt Lai Lạt Ma nói, nếu mỗi chúng ta có thể như một ánh sáng, quan tâm, từ bi, tình yêu thương, và chúng ta không thể khôn ngoan hơn bản thân hiện tại. Chúng ta có thể phát triển minh triết, nhưng chúng ta có thể cố gắng quán sát chánh niệm về minh triết trong cuộc sống của mình ở mức độ mà chúng ta có sức mạnh đó. Vì vậy, Đức Đạt Lai Lạt Ma nói, nếu chúng ta làm điều đó, thì chúng ta đều có thể tạo ra sự khác biệt trong cuộc sống, và tất cả chúng ta đều có thể đóng góp vào thời đại hoàng kim đó. Bây giờ, những lời tiên tri về Shambhala, tôi muốn đề cập đến điều gì đó về những lời tiên tri Shambhala, bởi vì trong những lời tiên tri Shambhala, có nói rằng trong thời đại chúng ta đang sống hiện nay, năm chính xác vẫn đang được tranh luận giữa các nhà chiêm tinh học và thiên văn học và các nhà sử học. Nhưng dường như vào khoảng thời gian này hoặc trong vài thập kỷ tới, thế giới sẽ đến đỉnh điểm, bạn có thể nói như vậy,

We have conservative compassion. He didn't add, there's a Tibetan Lama, Trungpa in America. He added, he created a new idiom in the West called idiot compassion. Like if you feed the bears, it seems like compassionate, but come hunting season, the bear walks up to a hunter thinking he's going to get a used steak bone or something, and the hunter pulls out his gun and shoots somewhere. You feed cats in your backyard, while cats, of course, they start living in your backyard and killing all your birds. So interfering compassion, there should be wise compassion. But anyway, in that way, Dalai Lama says, if each of us can be like a light, caring, compassion, love, and we can't be more wise than we are. We can grow our wisdom, but we can try to observe mindfulness of wisdom in our life to the level that we have that power. So Dalai Lama says, if we do that, then we can all make a difference in life, and we can all contribute to that golden age. Now, the Shambhala prophecies, I wanted to mention something about Shambhala prophecies, because in the Shambhala prophecies, it said that in this age we're living now, the exact year is debated amongst astrologers and astronomers and historians. But it's as if at this roughly this time period or sometime in the next few decades, that the world will come to a head, you could say,

**00:28:52 - Lời Tiên Tri Shambhala và Các Mạnh Lực của Ánh Sáng và Bóng Tối
(00:28:52 - Shambhala Prophecies and Forces of Light and Darkness)**

giữa các mãnh lực bóng tối và các mãnh lực ánh sáng. Các mãnh lực bóng tối ở đây không có nghĩa là những người có tâm trí đen tối là xấu xa. Chỉ là lòng tốt tự nhiên của họ bị che mờ bởi bóng tối của, chẳng hạn, lòng tham hoặc vô minh. Vô minh là điều lớn nhất, tôi phải nói vậy. Vô minh có nghĩa là không hiểu bản chất của bản thân, không hiểu sự kết nối tương hỗ của vạn vật. Trong Phật giáo, chúng ta gọi đây là tánh không. Tánh không ở đây có nghĩa là yếu tố số không, yếu tố vô hạn. Rằng chúng ta nghĩ những gì chúng ta làm, ví dụ như chúng ta cướp ngân hàng, điều mà tôi luôn mơ ước nhưng chưa bao giờ làm. Vâng, chúng ta luôn nghĩ đó là điều rất tốt. Chúng ta có được nhiều tiền. Tôi từng có một người bạn gái, cô ấy và chồng cô ấy đã bắt đầu, sau này cô ấy kết hôn, và cô ấy cùng chồng đã bắt đầu cướp ngân hàng. Và tôi đã hỏi, tại sao các bạn làm điều đó? Nó rất nguy hiểm. Và cô ấy nói, thật vui biết bao khi đếm tiền. Nhưng mọi thứ chúng ta làm đều có tác động đến người khác, và nó ảnh hưởng đến tổng thể. Vì vậy, tánh không ở đây có nghĩa là bất cứ điều gì chúng ta làm, lớn hay nhỏ, đều ảnh hưởng đến ai đó. Và điều đó lại khiến họ cộng hưởng và tác động đến người khác theo cùng một cách. Vì vậy, tôi nghĩ đó là lý do Đức Phật, Đức Đạt Lai Lạt Ma nói, nếu tất cả chúng ta đều làm tốt nhất, chúng ta có thể có một điều tuyệt vời, lời tiên tri Shambhala này rằng các mãnh lực bóng tối và ánh sáng sẽ có một kiểu đối đầu.

between forces of darkness and forces of light. Forces of darkness here doesn't mean the people with dark minds are evil. It's just that their natural goodness is obscured by the darkness of, say, greed or ignorance. Ignorance being the biggie, I would say. Ignorance meaning not understanding nature of self, not understanding the interconnectedness of all things. In Buddhism, we call this emptiness. Emptiness here meaning the zero factor, the infinity factor. That we think what we do, we rob a bank, for example, which I've always dreamed about but have never done. Yeah, we always think it's something very nice. We get lots of money. I once had a lady friend who, she and her husband took up, later she married, and she and her husband took up robbing banks. And I said, why do you do that? It's like dangerous. And she said, it's so much fun counting the money. But everything we do has repercussions on others, and it impacts the whole. So emptiness there meaning whatever we do, big or small, impacts someone. And that in turn causes them to resonate like that and impact others in the same way. So that's, I think, the reason Buddha, the Dalai Lama says, if we all do our best, we can have a great, this shambhala prophecy that the forces of darkness and light will be kind of a confrontation.

Hãy nói là các mãnh lực của lòng tham thay vì bóng tối, và các mãnh lực của sự ích kỷ thay vì bóng tối, chứ không phải là các mãnh lực của tầm nhìn về một hành tinh nơi con người thực sự học cách sống trong hòa bình và mãn nguyện với sự đơn giản của hiện tồn. Đó là lời của tôi, và điều này không được đề cập trong Kalachakra. Nó chỉ nói rằng con người học cách sống trong hòa bình và sung túc. Và cái này có ghi điều gì đó bằng tiếng Hàn. Bạn có thể xem qua không? Xin lỗi, tôi vừa nhận được tin nhắn trên đó và nó bằng tiếng Hàn,

Let's say the forces of greed rather than darkness, and the forces of selfishness rather than darkness, rather than the forces of a vision of a planet where people actually learn to live in peace and contentment with the simplicity of being. That's my words, and it doesn't say that in Kalachakra. It just says people learn to live in peace and abundance. And this says something in Korean on it. Can you take a look? Sorry, I just had a message come through on it and it was in Korean,

00:31:37 - Thực Hành Tình Yêu Thương và Lòng Từ Bi như một Phương Pháp Tu Tập Cá Nhân (00:31:37 - The Practice of Love and Compassion as Personal Training)

nên tôi đã không chắc đó là gì. Vâng, và về Đức Di Lạc, nếu tất cả chúng ta có thể thực hành tình yêu thương làm nền tảng và lòng từ bi làm căn bản, và chúng ta có thể làm điều đó thông qua rèn luyện cá nhân. Một điều Đức Đạt Lai Lạt Ma đề cập là càng tham thiền về tình yêu thương hoặc chiêm nghiệm về tình yêu thương, tình yêu thương trong ta càng phát triển, tương tự với lòng từ bi. Đức Đạt Lai Lạt Ma thường nói có hai loại tham thiền. Một là, càng thực hành, ta càng phát triển phẩm tính đó. Vì vậy càng tôn vinh tình yêu thương, càng thực hành chánh niệm về nó, và càng cố gắng đưa nó vào tình yêu thương của chúng ta, không chỉ với gia đình và bạn bè, mà còn với những người đối địch, kẻ thù và những người trung lập. Càng mở rộng nó, cuộc sống của

chúng ta càng trở nên hữu ích. Vì vậy tôi nghĩ sự thành tựu của các lời tiên tri về Đức Di Lạc bắt đầu ở Tây Tạng với Lạt ma Tông Khách Ba, đạo sư của Đức Đạt Lai Lạt Ma đời thứ nhất, xây dựng lại ngôi đền Di Lạc đã bị xuống cấp, và truyền thống giác ngộ vào thời điểm đó gần như đã biến mất khỏi Tây Tạng. Và rồi Lạt ma Tông Khách Ba làm điều này, và nó giống như một điểm báo, hơi giống như khi Hoa Kỳ đổ bộ lên mặt trăng và cắm cờ ở đó. Mặc dù tôi không chắc họ thực sự đổ bộ lên mặt trăng, có thể đó chỉ là một bộ phim được quay trong một studio nào đó. Không, không, tôi chắc họ đã đổ bộ lên đó. Không có âm mưu nào ở đây phải không. Làm ơn, làm ơn, Glenn, không có âm mưu nào ở đây cả. Nhưng việc nâng cao ngọn cờ tình yêu thương, tôi nghĩ, là một dấu hiệu của sự phát triển của tình yêu thương.

so I wasn't sure what it was. Yeah, and so in terms of Maitreya, if we can all practice love as the basis and compassion on the basis, and that we can do through just personal training. One thing the Dalai Lama mentions is that the more we meditate on love or contemplate love, the more love grows within us, similar with compassion. The Dalai Lama often says there's two kinds of meditation. One, the more we do it, the more we grow in that quality. So the more we honor love, the more we practice mindfulness of it, and the more we try to bring it into our love, not only with our family and our friends, but with let's say our antagonists, our enemies and neutrals. That the wider we make it, the more beneficial our life becomes. So I think the fulfillment of Maitreya prophecies begins in Tibet with Lama Tsongkhapa, the guru of the first Dalai Lama, rebuilding this Maitreya temple that had fallen into disrepair, and the enlightenment tradition at that time had almost disappeared from Tibet. And then Lama Tsongkhapa does this, and it's just sort of, you could say an omen, a little bit like when America landed on the moon and planted their flag there. Although I'm not sure they really landed on the moon, that might have been a movie made in some studio. No, no, I'm sure they landed there. No conspiracy there is there. Please, please, Glenn, no conspiracy there is. But raising the flag of love, I think, is a signal of the growth of love.

Và chúng ta có thể trở thành một phần của điều đó. Và với những lời tiên tri Shambhala, Đức Đạt Lai Lạt Ma hiện nay đã ban 30 lần điểm đạo, thường là cho hàng trăm ngàn người ở châu Á, khi ngài ban ở phương Tây cho hàng ngàn hoặc hàng chục ngàn người. Và ý tưởng là sự kết nối với bánh xe thời gian nguyên thủy này, Tantra, bằng cách nào đó giúp mở đường cho một ngàn năm của thời đại hoàng kim. Và hiện nay, Đức Đạt Lai Lạt Ma nói, không quan trọng bạn là vua hay kẻ ăn xin, hay một doanh nhân, hay bất kỳ tầng lớp con người nào, nếu bạn nỗ lực hết mình, bạn sẽ đóng góp theo nhiều cách.

And we can become part of that. And with the Shambhala prophecies, many Dalai Lama now has given 30 some initiations, often to hundreds of thousands of people in Asia, when he gives in the West to thousands or tens of thousands. And the idea is this connection with this primordial wheel of time, Tantra, somehow helps in ushering in the thousand years of the golden age. And now, Dalai Lama says, it doesn't matter if you're a king or a beggar, or a business person, or any level of human, if you make your best effort, you will contribute in many ways.

Phần 4: Những Câu Chuyện Cá Nhân về Tác Động và Đóng Góp (Part 4: Personal Stories of Impact and Contributions (00:34:32 - 00:46:06)) (00:34:32 - 00:46:06)

00:34:32 - Giúp Đức Đạt Lai Lạt Ma Viếng Thăm Hoa Kỳ (00:34:32 - Helping the Dalai Lama Visit America)

Và tôi thích nghĩ rằng bản thân tôi đã đóng góp theo một vài cách, chỉ vì điều đó. Tôi nhớ lại vào giữa những năm 70, tôi nghĩ là năm 77 hoặc 78, Đức Dalai Lama trở về từ châu Âu, và lúc đó tôi đang tu tập ở Dharamsila,

và tôi được yêu cầu sao chép và biên tập các bài giảng của ngài ở châu Âu để xuất bản, và tôi đã hỏi, tại sao Đức Dalai Lama luôn đi châu Âu mà không bao giờ đến Mỹ? Và người phụ tá của ngài, thư ký của ngài, Geshe Tenzin, nói rằng, ngài không bao giờ đến Mỹ vì ngài không thể xin được visa vào Mỹ. Và tôi nói, lúc đó tôi đang kết hôn với một phụ nữ Do Thái từ New York, và tôi nói, bố vợ tôi có vị trí rất cao trong giới vận động hành lang, nên ông ấy biết tất cả mọi người ở bộ ngoại giao, và Lầu Năm Góc, và an ninh quốc gia, với tư cách là một nhà vận động hành lang. Và vì vậy, ông ấy nói, không thể nào mà Đức Dalai Lama không xin được visa vào Mỹ. Vì vậy tôi sẽ viết thư cho ông ấy và nói, xin hãy xem xét vấn đề này. Và Đức Dalai Lama viết lại và nói, bố vợ tôi viết lại và nói, lý do ngài không thể có visa là vì ngài chưa bao giờ xin visa. Và đó là bởi vì, về cơ bản, chính phủ Tây Tạng đã có một nhóm người phối hợp với CIA vào cuối những năm 50 và 60 trong việc huấn luyện du kích, các chiến binh du kích, la bàn Tây Tạng, đưa họ bay đến Colorado và bay trở lại. Và vì vậy nó là một chương trình khá lớn. Và tôi không nghĩ Đức Dalai Lama biết rằng đó là những gì họ đang làm, nhưng những người đó là mối liên hệ của họ với đại sứ quán.

And I like to think that I've contributed myself in a few ways, just because of that. I remember back in the mid-70s, I think it was 77 or 78, that Dalai Lama came back from Europe, and I was training in Dharamsala at the time, and I was asked to transcribe and edit his teachings in Europe for a publication, and I asked, why does the Dalai Lama always go to Europe and never to America? And his attendant, his secretary, Tenzin Geshe-la, said, he never goes to America because he can't get a visa for America. And I said, at the time, I was married to a Jewish lady from New York, and I said, my father-in-law is very high up in the lobbying world, so he knows everyone in the state department, and the Pentagon, and the national security, just as a lobbyist. And so, he says, it's not possible that Dalai Lama can't get a visa for America. So I'll write him and say, please look into this. And Dalai Lama writes back and says, my father-in-law writes back and says, the reason he can't get a visa is he never asked for a visa. And it's because, basically, the Tibetan government had a group of people who coordinated with the CIA in the late 50s and 60s in training guerrillas, guerrilla fighters, a Tibetan compass flying them to Colorado and flying them back. And so it was kind of a big program. And so I don't think the Dalai Lama was aware that that was what they were doing, but those guys were their link to the embassy.

Vì vậy, họ đã đến đại sứ quán và hỏi, và người họ nói chuyện là CIA, và họ không muốn Đức Đạt-lai Lạt-ma đến Mỹ vì chương trình bí mật này mà họ đã tài trợ, mà bây giờ, tất nhiên, đã bị ngưng, nhưng họ không muốn nó xuất hiện trên báo chí. Ông ấy nói, hãy nói với Đức Đạt-lai Lạt-ma nếu ngài muốn visa, chúng tôi có thể làm visa cho ngài. Nhưng ngài không thể để bất kỳ ai trong văn phòng của ngài biết rằng chúng tôi đang để những người đó làm việc cho CIA. Không, sẽ không đâu. Họ sẽ chặn CIA. Chúng tôi sẽ chặn trước khi chúng tôi nhận được. Một khi chúng tôi nhận được, họ không thể chặn nó. Vì vậy chúng tôi đã làm như thế. Chúng tôi hỏi Đức Đạt-lai Lạt-ma, và ngài nói, được thôi, tuyệt quá. Và họ giữ bí mật. Họ đã nhận được visa. Sau đó, tất nhiên, CIA cố gắng gây áp lực lên Jimmy Carter để chặn nó. Nhưng cha vợ tôi nói, nếu ông chặn nó, câu chuyện mà tất cả các ông đang cố gắng giấu, tôi sẽ đăng nó lên trang nhất của mọi tờ báo ở Mỹ. Và vì vậy họ đã lùi bước. Vậy chỉ đơn giản, tôi biên tập một vài thứ. Tôi, một kẻ vô danh từ một ngôi làng nhỏ ở bờ biển phía đông Canada, biên tập một điều nhỏ nhoi, người tình cờ kết hôn với một phụ nữ có cha là một nhà vận động hành lang lớn cho chính trị quốc tế như Sa hoàng Iran, những người như thế, mà lúc đó là nhà cung cấp dầu lớn nhất của Mỹ.

So they go to the embassy and they'd ask, and the person they speak to is the CIA, and they don't want the Dalai Lama coming to America because of this secret program that they had been sponsoring, which now is, of course, has been discontinued, but they don't want it coming to the press. He says, please tell the Dalai Lama if he wants a visa, we can get him a visa. But he can't let anyone in his office know that we're getting those guys working for the CIA. No, it won't. They'll block the CIA. We'll block it before we get it. Once we get it, they can't block it. So we did it like that. We asked the Dalai Lama, and he says, sure, that's great. And they kept it secret. They got the visa. Then, of course, the CIA tried to pressure Jimmy Carter to block it. But my father-in-law said, if you block it, that story you're all trying to hide, I'm going to put it on the front of every newspaper in America. And so they backed down. So just simple, me editing a few things. Me, a little nobody from a little village on the east coast of Canada, editing a little thing, who happened to marry a lady whose father was a big lobbyist for international political the Shah of Iran, people like that, which at the time was America's biggest oil supplier.

Và ông ấy, cha vợ tôi, tình cờ nghĩ, tại sao chính phủ chúng ta không cho Đức Đạt-lai Lạt-ma vào?

And him, my father-in-law, happening to think, why is our government not letting in the Dalai Lama?

00:37:58 - Working with CIA and Secret Programs (00:37:58 - Working with CIA and Secret Programs)

Hãy để y vào. Và chúng tôi có bảy người Nga đã tới dự khóa tu tập của chúng tôi. Tôi đã nói chuyện với một trong số họ. Tôi nói, nhân tiện, tôi cũng đã gửi Đức Đạt Lai Lạt Ma đến Nga lần đầu tiên bởi vì thực sự chỉ là một câu đùa. Nhưng ngay khi người Nga nghe tin Đức Đạt Lai Lạt Ma sẽ đến Mỹ, nhờ bố vợ tôi, tôi đã đề cập chưa nhỉ, nhờ bố vợ tôi, người Nga vốn luôn thích là người đầu tiên đã cử đại sứ của họ tới Dharamsala để nói, ngài phải đến Nga trước. Vì vậy mỗi người đều có thể, bất kể bạn là ai, ngay cả như tôi, một người dân làng nhỏ từ một ngôi làng xa xôi ở Gaspé trên bờ biển phía đông của Canada cũng có thể đóng một vai trò nào đó chỉ bởi nghiệp, sự trùng hợp của nghiệp. Và nhân tiện, người Tây Tạng xuất sắc đã làm cho tất cả điều này diễn ra thực chất là đại diện của Đức Đạt Lai Lạt Ma tại New York, Tenzin Tetongla. Một người xuất sắc, xuất sắc, xuất sắc. Thực sự một con người vĩ đại, vĩ đại, vĩ đại. Và ông ấy đã kết nối tất cả mọi thứ lại với nhau. Và từ thời điểm đó, Jimmy Carter đã cố gắng ngăn chặn thị thực đó. Và tôi nghĩ đó là lý do tại sao ông ấy thua cuộc bầu cử một năm sau đó trước Ronald Reagan. Ông ấy đã giảm công đức của mình bằng cách cố gắng ngăn chặn Đức Đạt Lai Lạt Ma, nhưng ông ấy không thể làm được.

Just let him in. And we've got seven Russians that came down for our retreat terror. I was talking to one of them. I said, by the way, I also sent the Dalai Lama to Russia for the first time because it was just, it was a joke really. But as soon as the Russians heard the Dalai Lama was going to America, thanks to my father-in-law, did I mention, thanks to my father-in-law, the Russians who always liked to be first sent their ambassador to Darmesula to say, you must come to Russia first. So every person can, no matter who you are, even like me, a little villager from a remote village in the Gaspé on the east coast seaboard of Canada could play some sort of role just by karma, karma coincidence. And by the way, the brilliant Tibetan who made this all happen was actually the Dalai Lama's representative in New York, Tenzin Tetongla. Brilliant, brilliant, brilliant man. Really great, great, great person. And he brought it all together. And then from that time on, Jimmy Carter did try to block that visa. And I think that's why he lost the election a year later to Ronald Reagan. He lessened his merits by trying to block the Dalai Lama, but he couldn't do it.

Cha vợ tôi đã gọi điện cho thư ký báo chí của ông và nói, làm ơn nói với ông ta, tôi sẽ kể lại nếu ông ta chặn ông ấy, tôi sẽ cho đăng câu chuyện này trên mọi tờ báo ở Mỹ rằng người đàn ông đã cho phép những kẻ giết người hàng loạt này để cập đến các nhà độc tài sẽ vào đã chặn Hoàng tử Hòa bình. Vì vậy Carter đã từ bỏ nỗ lực cắt giảm thị thực của Đức Đạt Lai Lạt Ma. Và lý do ông ta làm như vậy, tất nhiên, là vì Coca-Cola. Ông ta được đưa vào vị trí bởi Coca-Cola, những người có tiền duy nhất ở Georgia vào thời điểm đó, và họ đưa ông ta vào vị trí Thượng nghị sĩ, và họ cũng đưa ông ta vào vị trí Tổng thống. Vì vậy, nếu bạn là đảng viên Đảng Dân chủ, hãy uống Coca-Cola, đừng uống Pepsi. Và điều khác mà tôi rất hạnh phúc vì đã có thể đóng một vai trò rất nhỏ là một người bạn rất thân của tôi, Olivia,

My father-in-law phoned his press secretary and said, please tell him, I'm going to tell if he blocks him, I'm going to run the story in every paper in America that the man who let in these mass murderers mentioning dictators that would come in has blocked the Prince of Peace. So Carter dropped his effort to cut the Dalai Lama visa. And the reason he did, of course, was Coca-Cola. He was put in by Coca-Cola, the only big money people in Georgia at the time, and they put him in as Senator, and they also put him in as President. So if you're a Democrat, please drink Coca-Cola, not Pepsi. And the other thing I'm very happy that I was able to play a very small part in is a very dear friend of mine, Olivia,

00:40:28 - Individuals Making a Difference (00:40:28 - Individuals Making a Difference)

người cũng là bạn của Quý Maria, một con người tuyệt vời đã tài trợ và bảo trợ cho nhiều sự kiện lớn. Cô ấy đã đi cùng tôi trong một chuyến đi đến Tây Tạng và một chuyến đi đến Mông Cổ. Và khi chúng tôi ở Mông Cổ, chúng tôi đã thăm nhiều địa điểm Shambhala, những nơi được xem là cổng dẫn đến Shambhala và sự thành tựu của lời tiên tri. Và một ngày cô ấy nói với tôi, ồ, Glenn, nếu có bất kỳ cơ hội nào để tôi tài trợ cho một lễ điểm đạo Kalachakra, tôi sẽ rất vui được tài trợ cho một trong những buổi lễ đó ở Mỹ. Và tôi đã nói, chà, Đức Đạt Lai Lạt Ma đang già đi, nên chúng ta không biết Ngài còn thực hiện được bao nhiêu lễ nữa. Nhưng nếu có cơ hội nào xuất hiện, tôi sẽ cho bạn biết. Và sau đó vài năm, tôi không chắc bao nhiêu, vài năm sau, tôi nhận được điện thoại từ cựu đại diện của Đức Đạt Lai Lạt Ma ở New York, Rinchen Darla. Ông ấy nói, Glenn, chúng ta có vấn đề. Chúng tôi muốn tổ chức, Đức Đạt Lai Lạt Ma dự định thực hiện lễ Kalachakra ở Mỹ vào năm 2012. Nhưng Ngài vừa gửi cho chúng tôi một lưu ý rằng Ngài sắp hoàn tất, Ngài đang già đi. Vì vậy Ngài muốn thực hiện nó vào năm 2011. Ngài biết Ngài sẽ không thể đi lại nhiều nữa. Vì vậy Ngài muốn thực hiện sớm hơn một năm và tăng gấp đôi thời gian đi lại trong vài năm tới.

who's also a friend of Maria Foundation, a very wonderful human being who sponsors and patronizes many great events. She traveled with me on one of my Tibet trips and on one of my Mongolia trips. And when we were in Mongolia, we visited several of the Shambhala sites, sites associated as portals to Shambhala and the fulfillment of prophecy. And one day she said to me, oh, Glenn, if there's ever any chance I have to sponsor a Kalachakra initiation, I would love to be a sponsor of one of those in America. And I said, well, the Dalai Lama is getting a little older, so we don't know how many more he's going to give. But if anything comes up, I will let you know. And then a couple of years later, I'm not sure how many, a couple of years later, I got a phone from Dalai Lama's former representative in New York, Rinchen Darla. He said, Glenn, we've got a problem. We wanted to organize, the Dalai Lama was going to give a Kalachakra in America in 2012. But he just sent us a note saying he's finishing, he's getting old. So he wants to do it in 2011. He knows he's not going to be able to travel much more. So he wants to do it a year early and double his travel time for the next few years.

00:41:52 - Tài Trợ Cho Lễ Điểm Đạo Kalachakra (00:41:52 - Sponsoring the Kalachakra Initiation)

Bây giờ chúng ta gặp vấn đề rồi. Chúng ta cần một khoản tiền lớn. Ông ấy không nói khoản tiền lớn. Chúng ta cần nguồn tài trợ mạnh để có thể đặt chỗ vì chúng ta chưa bắt đầu gây quỹ. Và vì thế tôi nghĩ, tôi biết ai là người có một chút tiền dư, người đã đề cập rằng họ muốn tài trợ và vì vậy tôi đã gọi điện cho Olivia và cô ấy hỏi, số tiền là bao nhiêu? Và tôi đã nói với cô ấy, tôi sẽ không nêu số tiền ở đây. Nó khá lớn. Và cô ấy nói, vâng, Đức Đạt Lai Lạt Ma, Washington điểm đạo ở Washington, DC, tôi rất muốn làm điều đó. Và do đó, điều đó đã trở thành hiện thực. Vì vậy Đức Đạt Lai Lạt Ma nói rằng tất cả chúng ta đều có thể làm những việc nhỏ theo cách riêng của mình, chỉ bằng cách tử tế, nhã nhặn, yêu thương, từ bi và minh triết nhất có thể. Minh triết nhất có thể thực sự có nghĩa là cố gắng không để tâm trí của bạn bị ích kỷ làm mờ đi. Nguyên nhân lớn nhất gây ra bóng tối trong tâm trí là sự ích kỷ. Tôi nghĩ đó là một trong những yếu tố chính, ít nhất là vậy. Cố gắng đừng tham lam. Cố gắng đừng ôm giữ sự trả thù hay những ý nghĩ căm ghét đối với người khác. Tôi rất hạnh phúc tại khóa tu tôi đang tham dự hiện nay ở Nepal. Chúng tôi có bảy người Nga, hoặc có lẽ tám người. Chúng tôi gọi họ là cuộc xâm lăng của người Nga, tất cả đều thực hành tham thiền về tình yêu thương và lòng từ bi cùng tummo, kundandali hay tummo, ngọn lửa nội tại. Và tôi nghĩ chúng tôi có, bao nhiêu người Israel?

Now we've got a problem. We need a big chunk of change. He didn't say chunk of change. We need a strong funding to be able to book because we didn't start the fundraising. And so I thought, who do I know who has a little bit of extra cash, who mentioned that they would like to sponsor and so I phoned up Olivia and she says, how much would it be? And I told her, I won't say the dollar amount here. It was significant. And she says, well, the Dalai Lama, Washington initiation in Washington, DC, I would love to do that. And so as a result, that came

to pass. So the Dalai Lama's saying that we can all do little bits in our own way, just by being kind and gracious and loving, compassionate, and as wise as we can be. As wise as we can be really means try not to let your mind become clouded by selfishness. The biggest cause of the darkness of the mind is selfishness. I think it's one of the main players, at least. Try not to be greedy. Try not to hold revenge or hateful thoughts towards others. I'm very happy at the retreat I'm at right now here in Nepal. We have seven Russians, or maybe eight of them. We call them the Russian invasion, all practicing meditation on love and compassion and tummo, kundandali or tummo, inner fire. And I think we have, how many Israelis?

Vâng, chúng ta có ba hoặc có thể bốn người Israel. Và một lần nữa, họ thực hành với hy vọng mang lại hòa bình cho khu vực đó. Và chúng ta có một hoặc hai người Ukraine đã ghé thăm và chào hỏi. Và theo những cách khác, tôi nghĩ mãnh lực của tình yêu thương, mãnh lực của lòng từ bi, mãnh lực của minh triết, thực sự là những công cụ chính mà chúng ta với tư cách cá nhân có thể sử dụng để củng cố tình yêu thương và lòng từ bi trên thế giới.

Yeah, we've got three or maybe four Israelis. And again, doing practices to hopefully bring peace to that area. And we've got one or two Ukrainians walked in and said hello. And in other ways, I think this force of love, force of compassion, force of wisdom, really are the main tools that we as individuals can use to strengthen love and compassion in the world.

00:44:26 - Hành hương đến Nepal và Tây Tạng với Michael Robbins (00:44:26 - Pilgrimage to Nepal and Tibet with Michael Robbins)

Bây giờ, như tôi đã đề cập vài năm trước, Michael Robbins và vợ của anh ấy là Tuya đã ân cần mời tôi dẫn đầu một chuyến hành hương đến Nepal và Tây Tạng. Và mục đích của chúng tôi là đến thung lũng Maitreya theo thuật ngữ của Blavatsky, gần Kailash, nơi mà vào đêm trăng tròn Sagadawa, người ta nói rằng, Pudamaitreya xuất hiện từ các phạm vi dĩ thái, biểu lộ từ Tushita, như cách nói trong tiếng Sanskrit, Tushita, hay Ganden trong tiếng Tây Tạng. Và chúng tôi thực sự hy vọng sẽ đến được đó. Nhưng không may, chính phủ Trung Quốc đã cắt tất cả các đoàn người nước ngoài vào. Vì thế Sagadawa vào đêm trăng tròn rất phổ biến với những người tìm kiếm giác ngộ khắp nơi trên thế giới và những người nhiệt tâm tinh thần khắp thế giới. Đó là một trong những địa điểm thiêng liêng nhất đối với người Ấn Độ. Vì vậy mọi truyền thống văn hóa Ấn Độ và tất cả người Nepal và tất nhiên, nhiều quốc gia châu Á khác, Tây Trung Quốc, toàn bộ Tây Tạng, Mông Cổ. Vì vậy có hàng chục, có lẽ vài trăm nhóm dự định đến trong tháng đó. Nhưng tất cả chúng tôi đều bị từ chối. Và vì thế nhóm các hành giả Bắc Âu của chúng tôi không thể đến thung lũng đó vào thời điểm đó. Bản thân tôi đã từng đến đó nhiều lần. Người Tây Tạng gọi nó là Chakne, nơi để đánh lễ. Nhiều người Tây Tạng thực hiện Kora Kailash đến sớm khoảng một tháng, và họ đến thung lũng nhỏ đó nơi bạn có thể nhìn thấy Kailash một cách hoàn hảo.

Now, as I mentioned some years ago, Michael Robbins and his wife Tuya graciously invited me to lead a pilgrimage to Nepal and Tibet. And our aim was to go to that Blavatsky term, the Maitreya Valley near Kailash, where on the full moon of Sagadawa, it said, Pudamaitreya appears from the etheric spheres, manifesting from Tushita, as the expression goes in Sanskrit, Tushita, or Ganden in Tibetan. And we'd really hoped to get there. But unfortunately, the Chinese government cut all foreign groups going. So Sagadawa on the full moon is very popular where enlightenment seekers all over the world are spiritual enthusiasts all over the world. It's one of the most holy places for Indians. So every tradition of Indian culture and all of Nepalese and of course, many other Asian countries, Western China, all of Tibet, Mongolia. So there are dozens of probably several hundred groups planning to go during that month. But all of us were refused. And so our group of Scandinavian practitioners weren't able to go to that valley at that time. I myself had been there several on several occasions. Tibetans call it Chakne, the place of prostration. Many Tibetans doing the Kailash Kora go about a month in advance, and they go to that little valley where you get a perfect view of Kailash.

Và họ thực hiện lễ phủ phục bốn lần mỗi ngày và giữ cơ thể khỏe mạnh để đi bộ dưới trăng tròn. Nếu bạn không làm vậy, thì phải mất ba hoặc bốn ngày để hoàn thành Kora. Nếu bạn thực hiện một trăm ngàn lần phủ phục

trong tháng hoặc sáu tuần trước khi trăng tròn, thì bạn có thể hoàn thành trong một ngày. Bạn thức dậy lúc bốn giờ. Rõ ràng là công đức sẽ cao hơn theo cách đó. Bản thân tôi chưa bao giờ làm theo cách đó vì là một người nước ngoài, chúng tôi khá bị kiểm soát bởi chính phủ Trung Quốc. Giấy phép đi Tây Tạng của chúng tôi quy định nơi chúng tôi có thể đến. Và Kailash khá gần với biên giới Ấn Độ. Vì vậy, xin giấy phép để ở đó một tháng để thực hiện lễ phủ phục sẽ là, à, một ước mơ viễn vông.

And they do prostrations four times a day and get themselves nice and fit for walking on the full moon. So if you don't do that, then it takes three or four days to do the Kora. If you do a hundred thousand prostrations in the month or six weeks before the full moon, then you can do it in a single day. You get up at four. Apparently the merits are higher that way. I've never done it that way myself because as a foreigner, we're quite controlled by Chinese government. Our Tibet permits where we can go. And Kailash is a little bit close to the Indian border. So getting a permit to stay there for a month to do prostrations would be, well, a pipe dream.

Phần 5: Truyền Thống Minh Triết Quốc Tế và Kết Thúc (Part 5: International Wisdom Traditions and Closing (00:46:07 - 00:55:20)) (00:46:07 - 00:55:20)

00:47:30 - Madame Blavatsky và Phong Trào Giác Ngộ Quốc Tế (00:47:30 - Madame Blavatsky and the International Enlightenment Movement)

Và bây giờ, tất nhiên, tôi đã 75, 76, sắp 76 tuổi. Vì vậy việc thực hiện một trăm ngàn lần phủ phục ở độ cao 16.000 feet có lẽ không nằm trong khả năng của tôi. Nhưng dù sao, điều rất tuyệt vời đối với tôi là Madame Blavatsky là người sáng lập thần trí học, một trong những người truyền cảm hứng vĩ đại cho, hãy gọi là phong trào giác ngộ quốc tế. Trước Madame Blavatsky, tôi nghĩ văn hóa phương Tây đã khá kiêu ngạo. Chúng ta như những người thông minh với Công giáo hoặc chủ nghĩa sản xuất hay bất cứ điều gì. Và mọi người khác đều hơi thiên về phía man rợ. Vì vậy, bà thực sự là người đầu tiên đưa vào chân lý này trong tất cả các truyền thống và lợi ích, minh triết có ích trong tất cả các truyền thống, một truyền thống minh triết quốc tế, bạn có thể nói vậy. Và tất nhiên, Alice Bailey đã tiếp tục điều đó. Và nó đã diễn ra theo nhiều dòng chảy khác nhau kể từ thời điểm đó.

And now, of course, I'm 75, 76, should be coming 76. So doing a hundred thousand prostrations at 16,000 feet is probably not in my cards. But anyway, it's very wonderful to me that Madame Blavatsky is the founder of theosophist, one of the great inspirers of the, let's call it the international enlightenment movement. Prior to Madame Blavatsky, I think Western culture had been quite snobbish. We are like the smart ones without Catholicism or our productism or whatever. And everyone else is a little bit on the barbaric side. So she was the first one really to usher in this truth in all traditions and benefit, beneficial wisdom in all traditions, an international wisdom tradition, you could say. And of course, Alice Bailey continued that. And it's gone in various streams since that time.

00:48:22 - Nicholas Roerich và Những Đóng Góp của Ông (00:48:22 - Nicholas Roerich and His Contributions)

Bản thân tôi khá gắn bó với Nicholas Rorick. Tôi đang viết một cuốn sách về ông có tên là Những Gương Mặt của Nicholas Rorick. Những gương mặt Phật giáo của Nicholas Rorick, nghệ sĩ, nhà thơ, nhà thần bí, điệp viên. Bởi vì

ông đã du hành vào những năm 20 và 30 qua Ấn Độ và Tây Tạng và Nga, Tây Trung Quốc và Nhật Bản. Và mọi người luôn nghi ngờ, người này đang làm gì ở đây? Và thực ra ông không phải là điệp viên theo nghĩa hành động gián điệp. Nhưng bất cứ nơi nào ông đến, ông đều thấy mọi thứ và các chính phủ luôn cố gắng khai thác thông tin từ ông. Và tôi nghĩ đó là một câu chuyện tuyệt đẹp. Và tôi có thể liên hệ với nó vì tôi đã ở Ấn Độ. Khi tôi tham gia vào 12 năm nghiên cứu ở Ấn Độ, một người bạn Đức gửi ai đó đến thăm và nói, đây là một người bạn thân của tôi. Hãy giúp anh ta. Và anh ta muốn dành vài tháng ở Dharamsala. Vì vậy tôi đã làm. Và khoảng vài tuần sau, anh ta ăn thứ gì đó và trở nên điên loạn. Rõ ràng, thứ anh ta ăn là hạt Datura từ những bông hoa Datura mọc ở sân sau nhà anh ta. Và anh ta nghĩ, ồ, những thứ đó trông như sẽ ngon trong món salad. Và nó khiến anh ta phát điên. Và cuối cùng anh ta bị bắt. Anh ta đánh một cảnh sát ở đâu đó, người bảo anh ta ngừng sắp xếp các đầu lọc thuốc lá ở bến xe buýt thành một bảo tháp nhỏ, thành một tác phẩm nghệ thuật. Vì vậy tôi đã đến gặp một người bạn là thẩm phán đã nghỉ hưu của tôi.

Myself, I'm quite involved with Nicholas Rorick. I'm doing a book on him called The Faces of Nicholas Rorick. The Buddhist faces of Nicholas Rorick, artist, poet, mystic, spy. Because he traveled in the 20s and 30s through India and Tibet and Russia, West China and Japan. And everyone always suspected, what's this guy doing here? And he wasn't actually a spy as an act of spy. But wherever he went, he saw things and governments were always trying to peel some information out of him. And I think it's a beautiful story. And I can relate to it because I was in India. When I was joining my 12-year study in India, a German friend sent someone to visit and said, this is a very dear friend of mine. Please set him up. And he wants to spend a few months in Dharamsala. So I did. And about a few weeks later, he ate something and went crazy. Apparently, what he ate was Datura seeds from the Datura flowers growing in his backyard. And he thought, oh, those things look like they'll be nice in salads. And it drove him bananas. And he ended up getting arrested. He took a swing at a policeman somewhere who told him to stop organizing the cigarette butts at the bus station into a little stupa, into an art installation. And so I went to a retired judge friend of mine.

Chúng tôi đã dành chín ngày trong tòa án, cố gắng để anh ấy được trả tự do. Chà, khi anh ấy ra tòa, vì anh ấy vẫn còn hoàn toàn điên, anh ấy đã kiêu như đi lên bục của thẩm phán, không được mời, nhổ nước bọt lên đó, và bắt đầu vẽ những bức tranh nhỏ đẹp. Và vị thẩm phán nói, sáu tháng vì tội coi thường tòa án. Vì vậy sau đó thẩm phán và tôi đã dành chín ngày cố gắng hủy bỏ án này và đưa anh ấy ra khỏi đất nước, cuối cùng thì cũng thành công. Nhưng mục đích của câu chuyện là tờ báo chính ở Ấn Độ vào thời điểm đó, Tôi nghĩ là được gọi là Times of India hoặc một cái tên tương tự. Và một bức ảnh của thẩm phán và tôi ngồi trong sân của tòa án nhỏ ở Dharamsala với chú thích, các gián điệp nước ngoài ở Ấn Độ thì tràn lan đến mức họ thậm chí còn do thám các tòa án của chúng ta. Vì vậy hình ảnh của tôi đã xuất hiện trên báo. Nhưng không ai, không người Ấn Độ nào biết đó là tôi. Tôi biết đó là tôi vì tôi đang ngồi đó và Thẩm phán Soni cũng có mặt. Và tôi nhớ khi bức ảnh đó được chụp, tôi đã không nghĩ rằng nó sẽ như vậy, tôi là một gián điệp. Vì vậy tôi đồng cảm với Nicholas Rourke, một nhà thông thiên học vĩ đại và là người quảng bá tuyệt vời cho truyền thống Maurya. Tôi nghĩ rằng cuốn "Leaves of Maurya" của ông là một trong những tác phẩm văn học tuyệt vời. Tôi đặc biệt là một người hâm mộ, tất nhiên, về các tác phẩm, những bức tranh của ông, những thứ thực sự truyền cảm hứng về tình yêu thương, hòa bình, bạn có thể nói vậy,

We spent nine days in the courts, trying to get him released. Well, when he went to court, because he was still totally crazy, he sort of walked up to the judge's bench, uninvited, spit on it, and started making beautiful little drawings. And the judge said, six months for contempt of court. So then the judge and I spent nine days trying to get this reversed and get him out of the country, which eventually succeeded. But the purpose of the story is the main newspaper in India at that time, I think was called the Times of India or something like that. And a picture of the judge and I sitting in the courtyard of that little courthouse in Dharamsala saying, foreign spies in India are so rampant that they're even spying on our courthouses. So my picture was in the paper. But nobody, no Indian knew it was me. I knew it was me because I was sitting there and Judge Soni was there. And I remember when that picture was taken, I didn't think it was going to be, I was a spy. So I sympathize with Nicholas Rourke, great theosophist and a great promoter of the Maurya traditions. I think his leaves of Maurya is one of his wonderful literary works. I'm especially a fan, of course, of his work, his paintings, which do inspire love, peace, you could say,

00:51:52 - Những Lời Tiên Tri Sambhala Trong Bối Cảnh Phương Tây (00:51:52 - The Shambhala Prophecies in Western Context)

giác ngộ. Và tất nhiên, phong trào của ông, Pax Cultural, hòa bình thông qua cái đẹp như thường được dịch, nhưng thực sự có nghĩa là hòa bình thông qua văn hóa, thông qua văn hóa cao cấp, thông qua đào tạo văn hóa. Và ý tưởng của ông, một lần nữa, theo sau Blavatsky và Bailey là nếu tất cả con người có thể gia tăng những phẩm tính tốt đẹp của tâm trí họ, tình yêu thương, lòng từ bi, sự tha thứ, kiên nhẫn, và trí tuệ là rất quan trọng. Và sau đó chúng ta có thể có thời đại hoàng kim được tiên tri trong Palachakra Tantras. Và trên thực tế, Ruric đã viết một cuốn sách có tên là Shambhala. Bà Blavatsky, tất nhiên, cũng nói về Shambhala. Bà học về nó ở Nga, bởi vì vào thời điểm đó, miền Đông nước Nga đã trở thành Phật giáo Mông Cổ, là nhánh Tây Tạng của Phật giáo Tây Tạng. Bà đã học về nó thông qua điều đó. Và vào thời điểm đó, trường học đầu tiên về Phật giáo Tây Tạng tại phương Tây là trường Nga từ Viện Đông phương. Vì vậy về cơ bản bà đã giới thiệu các truyền thống giác ngộ Tây Tạng và Mông Cổ dưới một ánh sáng thuận lợi nhất và ánh sáng trải nghiệm, và đề cập đến các lời tiên tri Shambhala lần đầu tiên. Và tất nhiên, cũng đã thúc đẩy mạnh mẽ di sản của Đức Di Lặc và những lời tiên tri về các mảnh lược của tình yêu thương, lòng từ bi và trí tuệ trở thành những yếu tố thống trị trong nền văn minh thế giới.

enlightenment. And of course, his movement, the Pax cultural, peace through beauty is as often translated, but really meaning peace through culture, through higher culture, through cultural training. And his idea, again, following Blavatsky and Bailey was that if all humans can increase the good qualities of their mind, love, compassion, forgiveness, patience, and wisdom being very important. And then we can have this golden age prophesied in the Palachakra Tantras. And in fact, Ruric wrote a book called Shambhala. Madam Blavatsky, of course, also talks about Shambhala. She learned about it in Russia, because at that time, Eastern Russia had already been, which is Mongolian Buddhist, which is Tibetan branch of Tibetan Buddhism. She had learned about it through that. And at that time, the first school of Tibetan Buddhism in the West was the Russian school from Oriental Institute. So she basically introduced Tibetan and Mongolian enlightenment traditions in a most favorable light and an experiential light, and mentioned the Shambhala prophecies for the first time. And of course, also greatly promoted the legacy of Maitreya and the prophecies of the forces of love, compassion, and wisdom becoming dominant factors in world civilization.

00:53:44 - Gratitude and Closing Remarks (00:53:44 - Gratitude and Closing Remarks)

Dù sao, tôi muốn cảm ơn tất cả những người đã tham gia, và nếu bất cứ điều gì tôi đã nói có ích hoặc có ý nghĩa, đó là niềm vui, vinh dự của tôi được chia sẻ. Nếu tôi đã nói điều gì mà bạn cho là sai lầm, thì thật đáng tiếc về điều đó. Và đặc biệt cảm ơn Quý Maurya, Tuya, và Michael Crow, cùng những người khác đã mời tôi tham gia hội nghị của các bạn. Chúng tôi đã cố gắng... Vậy nếu có thiện nghiệp hay năng lượng tốt lành nào phát sinh từ cuộc gặp gỡ này, cầu mong chúng ta chính mình nhanh chóng đạt được sự giác ngộ sâu sắc hơn,

So anyway, I'd like to thank everyone who participated, and if anything I said was useful or meaningful, it's my joy, my honor to be able to share. If I said anything which you think is erroneous, then too bad about that. And especially thank the Maurya Foundation, Tuya, and Michael Crow, and others for inviting me to participate in your conference. We dedicated... So if any good karma or good energy comes out of our gathering here, may we ourselves quickly gain deeper,

00:54:42 - Lời Cống Hiến và Cầu Nguyện Cuối Cùng (00:54:42 - Final Dedication and

Prayer)

sâu sắc hơn. Và bằng cách đó, cầu mong chúng ta có thể mang tình yêu thương, lòng từ bi, minh triết, củng cố những mãnh lực đó trong thế giới. Tâm thức quý báu của tình yêu thương, lòng từ bi hướng đến việc đào sâu minh triết, tuy đã cao cầu mong nó phát triển cao hơn nữa, dù đã cao rồi cầu mong nó phát triển cao hơn nữa. Và bất cứ điều gì chưa được sinh ra, xin hãy được sinh ra. Xin cảm ơn rất nhiều.

deeper enlightenment. And in that way, may we be able to bring love, compassion, wisdom, strengthen those forces within the world. The precious mind of love, compassion aimed at deepening wisdom, although higher may it grow higher even, although already high may it grow even higher. And whatever is not yet born, please be born. Thank you very much.